TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 68/2025/DS-PT
Ngày: 24 - 7 - 2025
V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy

Ông Võ Công Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Nga là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/TBTL-TA ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Toà án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 98/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số nhà B - B đường N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn T, sinh năm 1981, Phó Giám đốc chi nhánh B kiêm Trưởng phòng G là đại diện theo ủy quyền (Theo Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm nhân sự số 1722/2023/QĐ-QTNNL ngày 27/4/2023 và Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022). (Có mặt)

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Lý Ngọc V, sinh ngày 31/12/1980 tại Phường H, tỉnh Gia Lai; Căn cước công dân số: 052080004433; trú tại: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

Và bà Huỳnh Thị T1, sinh ngày: 01/01/1979 tại phường H, tỉnh Gia Lai; Căn cước công dân số: 052179014496; trú tại: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

3. *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Lý Ngọc V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Trần Văn T *trình bày:*

Về khoản vay Hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 202326954566 ngày 08/02/2023 số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ đồng); Hợp đồng tín dụng số 202125975106 ngày 14/06/2023 số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Chi tiết giấy nhận nợ:

Số GNN	Tiền vay (đồng)	Dư nợ (đồng)	Ngày vay	Ngày ĐH
LD2302700059	700.000.000	700.000.000	27/01/2023	27/07/2023
LD2335400370	200.000.000	200.000.000	20/12/2023	20/06/2024
LD2304500452	3.000.000.000	3.000.000.000	14/02/2023	30/06/2024

Về khoản vay thẻ tín dụng:

Thẻ tín dụng của ông Lý Ngọc V phát hành ngày 11/02/2020, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng còn dư nợ đến ngày 21/02/2025 là **53.558.373** đồng, chi tiết:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất hiện đang áp dụng
Family Credit EMV	970403-6536	50.000.000	11/02/2020	26,6%/năm

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Trên cơ sở hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm đã ký kết, Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là S1) đã giải ngân tổng số tiền 3.900.000.000 đồng (Ba tỷ, chín trăm triệu đồng) cho ông Lý Ngọc V và bà Huỳnh Thị T1 (thể hiện theo Giấy nhận nợ). Trong quá trình quan hệ tín dụng, theo quy định trên Hợp đồng tín dụng ngày đóng lãi là ngày 10 hàng tháng nhưng khách hàng thường xuyên chậm trả lãi. Hiện khoản vay của ông V và bà T1 đã chuyển thành nợ quá hạn.

Mặc dù S1 thường xuyên đôn đốc, làm việc để yêu cầu ông V và bà T1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời S1 cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để vợ chồng ông V chủ động xử lý TSBĐ để trả nợ. Tuy nhiên, ông V và bà T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn, chưa xử lý TSBĐ để trả nợ cho S1 theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Đến ngày 21/02/2025, vợ chồng ông V bà T1 còn nợ S1 tổng số tiền là 4.936.710.485 đồng (Bốn tỷ, chín trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm mười ngàn, bốn trăm tám mươi lăm đồng) bao gồm:

- Vốn gốc: 3.900.000.000 đồng
- Lãi và lãi phạt quá hạn: 983.152.112 đồng (Lãi trong hạn: 357.646.806 đồng, L quá hạn: 601.956.164 đồng, L phạt chậm trả: 23.549.142 đồng)
- Nợ vay thẻ tín dụng: 53.558.373 đồng (Gốc: 47.226.806 đồng, L: 6.331.567 đồng)

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông V và bà T1 phải trả cho S1 số tiền tính đến ngày 21/02/2025 là 4.936.710.485 đồng (Bốn tỷ, chín trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm mười ngàn, bốn trăm tám mươi lăm đồng). Đồng thời ông V và bà T1 có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 21/02/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp ông V và bà T1 thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị Toà án quyết định cho xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật, trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu nợ vay, đề nghị xử lý các tài sản khác (nếu có) để tiếp tục thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- *Tại Bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, vợ chồng ông* Lý Ngọc V*, bà* Huỳnh Thị T1 *đồng trình bày:*

Vợ chồng ông V bà T1 thống nhất có vay vốn tại S1 theo đúng như Hợp đồng tín dụng mà phía Ngân hàng cung cấp. Thống nhất tổng số tiền gốc đã vay là 3.900.000.000 (Ba tỷ chín trăm triệu) đồng, thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông bà có làm việc với đại diện Ngân hàng G1 thời gian trả nợ là 12 tháng, tính từ tháng 8/2023 đến tháng 8/2024. Trong đó, khoản vay 3.700.000.000 đồng đã được cơ cấu lại theo quy định của Ngân hàng N, không phát sinh nợ xấu và lãi quá hạn. Riêng khoản vay 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng vợ chồng ông bà mới vay vào ngày 20/6/2024 nhưng phía Ngân hàng lại yêu cầu tính lãi từ ngày 14/6/2023 là không phù hợp.

Mặc khác, chưa hết tháng 08/2024 Ngân hàng lại gửi đơn khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông bà trả nợ là không đúng. Nếu Ngân hàng yêu cầu ông bà trả nợ thì Ngân hàng phải:

+ Giải trình cụ thể khoản nợ quá hạn của vợ chồng ông bà là những khoản gì. Vợ chồng ông bà ngừng hoạt động kinh doanh nên không thanh toán được nợ cho ngân hàng. Do đó, ông bà đề nghị Ngân hàng cung cấp rõ thông tin về việc yêu cầu vợ chồng ông bà trả nợ trong thời gian ngừng hoạt động kinh doanh.

+ Khi vợ chồng ông V bà T1 ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, phía Ngân hàng đã tiến hành thẩm định tài sản thế chấp của vợ chồng ông bà. Nay ông bà yêu cầu Ngân hàng làm rõ giá thẩm định tài sản của ông bà đã thế chấp.

+ Yêu cầu cung cấp sao kê của tài khoản thẻ tín dụng của vợ chồng ông bà hàng tháng và giải trình rõ khoản nợ tiền lãi.

Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Toà án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, Quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc vợ chồng ông Lý Ngọc V, bà Huỳnh Thị T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 4.936.710.485 đồng. Trong đó: Tiền gốc 3.900.000.000 đồng, lãi trong hạn: 357.646.806 đồng, lãi quá hạn: 601.956.164 đồng, lãi phạt chậm trả: 23.549.142 đồng, nợ vay thẻ tín dụng: 53.558.373 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp vợ chồng ông V, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD2004100004/HĐTC ngày 11/02/2020, để thu hồi nợ và Ngân hàng được ưu tiên thanh toán để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì vợ chồng ông V, bà T1 tiếp tục chịu trách nhiệm trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 05/3/2025, ông Lý Ngọc V là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Toà án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Ngọc V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn bà Huỳnh Thị T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án vẫn xét xử vắng mặt.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lý Ngọc V, thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà sơ thẩm và phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn T và bị đơn ông Lý Ngọc V, bà Huỳnh Thị T1 đều thống nhất số nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 202326954566 ngày 08/02/2023, thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01/2023269545566 ngày 04/8/2023, hợp đồng tín dụng số 2022125975106 ngày 14/6/2023 giữa S1 và vợ chồng ông V, bà T1 là 3.900.000.000 đồng (ba tỷ chín trăm triệu đồng), chưa được thanh toán gốc và lãi.

Theo các hợp đồng tín dụng nêu trên và các Giấy nhận nợ số LD2304500452 ngày 14/02/2023, Giấy nhận nợ số LD2335400370 ngày 20/12/2023, Giấy nhận nợ số LD2302700059 ngày 27/01/2023, các bên đã thoả thuận về lãi suất và phương pháp tính lãi; mức lãi suất các bên áp dụng phù hợp với quy định pháp luật. Như vậy, vợ chồng ông V, bà T1 đã biết và thống nhất với lãi suất vay được ngân hàng áp dụng.

[2.2] Về khoản nợ thẻ tín dụng: Ông V đã thanh toán lần cuối vào ngày 22/7/2024. Tính đến thời điểm vụ án được thụ lý (tháng 10/2024), ông không tiếp tục thanh toán nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh. Dư nợ được xác định theo số liệu ngày 22/10/2024.

Theo Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/02/2020, ông V đã cam kết chịu trách nhiệm với mọi nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng thẻ. Trong thời gian sử dụng, ông đã thanh toán các khoản chi phí và lãi suất, không có khiếu nại gì cho đến trước khi ngân hàng khởi kiện.

[3] Do đó, Toà án nhân dân thị xã Hoài Nhơn chấp nhận yêu cầu của S1, buộc vợ chồng ông V và bà T1 phải liên đới trả cho ngân hàng số tiền 4.936.710.485 đồng; trong đó: tiền gốc 3.900.000.000 đồng, lãi trong hạn: 357.646.806 đồng, lãi quá hạn: 601.956.164 đồng, lãi phạt chậm trả: 23.549.142 đồng, nợ vay thẻ tín dụng: 53.558.373 đồng là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu của ông V đề nghị ngân hàng giải trình phương pháp tính lãi và lý do tính lãi quá hạn: phía Ngân hàng S1 trình bày rằng ngân hàng đã cơ cấu lại khoản vay 3.700.000.000 đồng, tạm hoãn nghĩa vụ trả lãi, nhưng không miễn lãi. Riêng khoản vay 200.000.000 đồng không được cơ cấu nên ông bà phải tiếp tục thanh toán lãi hàng tháng. Do không trả được nợ gốc đúng hạn, khoản vay bị chuyển sang nhóm nợ xấu. Vì vậy, toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng S1 của ông bà đều phát sinh nợ xấu.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo.

[6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Lý Ngọc V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông Lý Ngọc V phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007235 ngày 19 tháng 3 năm

2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Gia Lai).

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lý ngọc V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 29/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai).

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2.1.Buộc vợ chồng ông Lý Ngọc V, bà Huỳnh Thị T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 4.936.710.485 đồng. Trong đó: Tiền gốc 3.900.000.000 đồng, lãi trong hạn: 357.646.806 đồng, lãi quá hạn: 601.956.164 đồng, lãi phạt chậm trả: 23.549.142 đồng, nợ vay thẻ tín dụng: 53.558.373 đồng.

2.2.Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Trường hợp vợ chồng ông V, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD2004100004/HĐTC ngày 11/02/2020, để thu hồi nợ và Ngân hàng được ưu tiên thanh toán để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì vợ chồng ông V, bà T1 tiếp tục chịu trách nhiệm trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

3. Về chi phí tố tụng và án phí:

3.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông V, bà T1 phải chịu 2.000.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông V, bà T1 phải chịu 112.936.700 đồng (Một trăm mười hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 56.233.220, đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006726 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Gia Lai).

3.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Ngọc V phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007235 ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Gia Lai).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai (1);
- TAND khu vực 6 – Gia Lai (1);
- Phòng THADS KV 6, tỉnh Gia Lai (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu: HCTP, P. GĐ,TT&KTNV, TDS, HSVA (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Thắm